



CSI CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION SECURITIES

BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ

www.vncsi.com.vn



NHỮNG ĐIỂM NHẤN KINH TẾ VĨ MÔ trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2024

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi nhưng kinh tế quý I/2024 của nước ta vẫn duy trì tăng trưởng tích cực; vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho các quý tiếp theo.

Tăng trưởng GDP quý I/2024 đạt 5.66%, cao hơn cùng kỳ từ 2020 đến nay, vượt dự báo của nhiều chuyên gia, tổ chức kinh tế; lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I tăng 3.77%, dưới ngưỡng Quốc hội đề ra (4-4.5%) và thấp hơn cùng kỳ (4.18%). Tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt; mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm.

Xuất khẩu tăng cao, xuất siêu lớn, góp phần bảo đảm cán cân thanh toán. Kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 3 đạt 65 tỷ USD, tăng 35.6% so với tháng trước và 12% so với cùng kỳ; quý I đạt 178 tỷ USD, tăng 15.5%, xuất siêu 8.08 tỷ USD. Các lĩnh vực dịch vụ, du lịch phục hồi mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 tăng 9.2% so với cùng kỳ; tính chung quý I tăng 8.2%. Cụ thể, một số điểm nhấn đáng chú ý như sau:

Những điểm nhấn KTVM nổi bật trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2024:

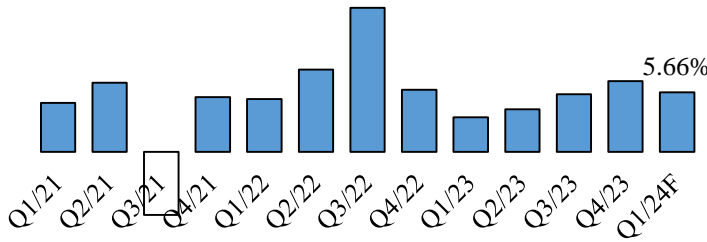
- **Tăng trưởng GDP vượt dự báo:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5.66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023.
- **Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sôi động:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý I theo giá hiện hành ước đạt 1,537.6 nghìn tỷ đồng, tăng 8.2% so với cùng kỳ năm trước.
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) phục hồi tốt:** Sản xuất công nghiệp trong quý I/2024 tiếp tục khởi sắc với giá trị tăng thêm toàn ngành ước tính tăng 6.18% so với cùng kỳ năm trước.
- **Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng tích cực:** Trong tháng Ba, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65.09 tỷ USD, tăng 35.6% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178.04 tỷ USD, tăng 15.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13.9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8.08 tỷ USD..
- **FDI đăng ký & thực hiện là điểm sáng:** Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt gần 6.17 tỷ USD, tăng 13.4% YoY; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4.63 tỷ USD, tăng 7.1% YoY, cao nhất của 3 tháng đầu năm trong 5 năm.
- **CPI trong tầm kiểm soát:** Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý I/2024 tăng 3.77% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2.81%.
- **Tiền tệ:** Duy trì nói lỏng đến hết 2024.
- **Lãi suất:** Lãi suất huy động ở mức đáy.
- **Tín dụng:** Tăng trưởng tín dụng chậm nhưng vẫn kỳ vọng đạt mốc tăng trưởng 14 - 15% trong 2024
- **Dự trữ ngoại hối:** Dự trữ ngoại hối của Việt Nam cuối năm 2024 ước đạt 110 tỷ USD.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

1. TỔNG QUAN KTVM VIỆT NAM THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

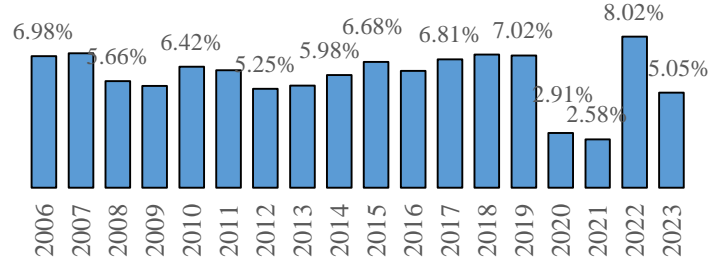
a. GDP tăng trưởng vượt dự báo

Hình. Tăng trưởng GDP quý (YoY)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng GDP năm

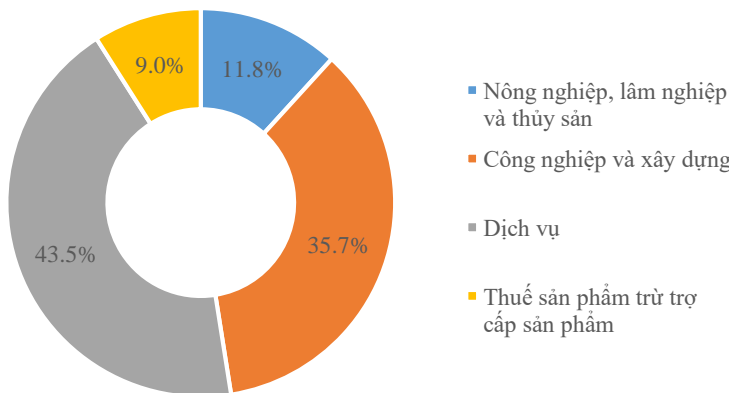


Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5.66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.98%, đóng góp 6.09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6.28%, đóng góp 41.68%; khu vực dịch vụ tăng 6.12%, đóng góp 52.23%. GDP quý I tăng 5.66%, là mức tăng cao nhất trong 4 năm trở lại đây và vượt dự báo của nhiều chuyên gia.

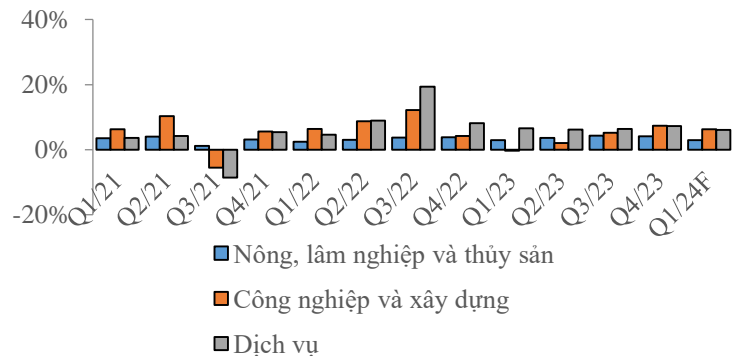
Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, sản xuất công nghiệp khởi sắc và tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2023. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2024 tăng 6.18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước giảm 0.73%). Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động thương mại diễn ra sôi động, du lịch phục hồi mạnh mẽ nhờ hiệu quả của chính sách thị thực thuận lợi và chương trình kích cầu du lịch, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tăng cao. Đóng góp của một số ngành dịch vụ vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế quý I năm nay như sau: Ngành vận tải kho bãi tăng 10.58% YoY, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8.34% YoY, ngành bán buôn và bán lẻ tăng 6.94% YoY, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5.2% YoY, ngành thông tin và truyền thông tăng 4.14% YoY.

Hình. Tỷ trọng đóng góp GDP 2024



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng GDP phân theo khối (YoY)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

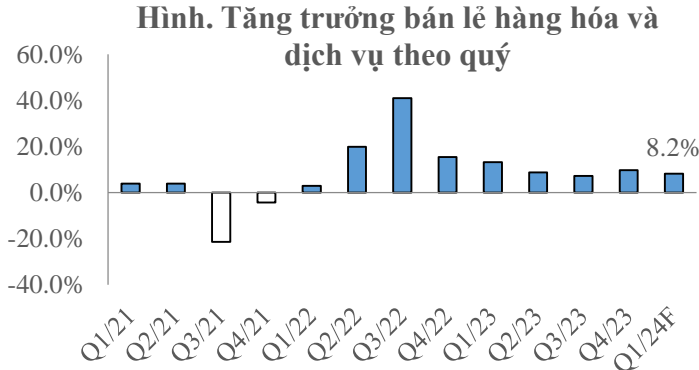
Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11.77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35.73%; khu vực dịch vụ chiếm 43.48%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9.02%.

Về sử dụng GDP quý I/2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 4.93% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 56.77% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 4.69%, đóng góp 24.07%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17.08%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 19.16%.

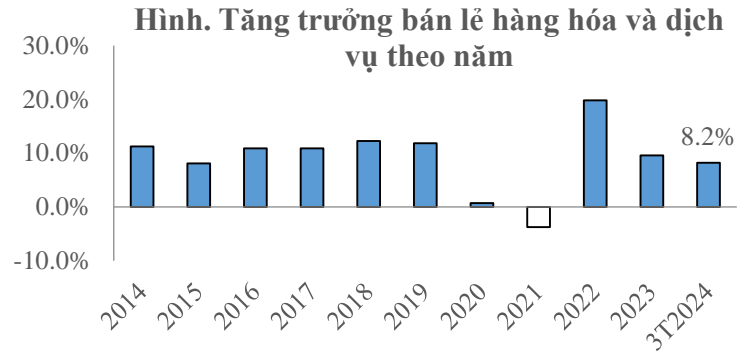
CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

1. TỔNG QUAN KTVM VIỆT NAM THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

b. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sôi động và duy trì mức tăng so với cùng kỳ



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

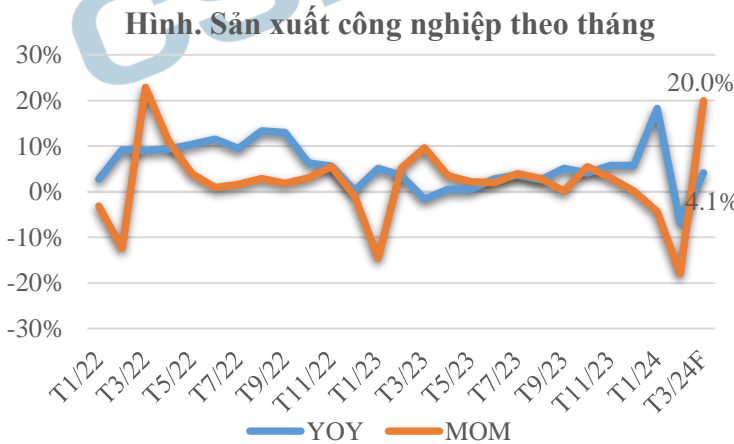


Nguồn: Tổng Cục Thống kê

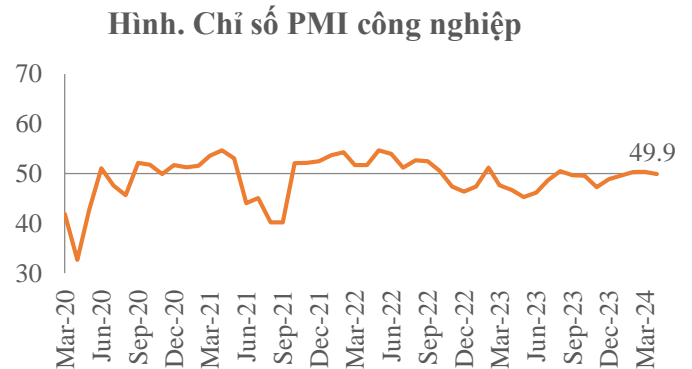
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 3/2024 ước đạt 509.3 nghìn tỷ đồng, tăng 0.5% so với tháng trước và tăng 9.2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 11.6%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 16%; may mặc tăng 10.1%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 15.8%; du lịch lữ hành tăng 66.1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I/2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1,537.6 nghìn tỷ đồng, tăng 8.2% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2023 tăng 13.9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5.1% (quý I/2023 tăng 10.1%).

c. Sản xuất công nghiệp có sự phục hồi tốt.



Nguồn: Tổng Cục Thống kê



Sản xuất công nghiệp trong quý I/2024 tiếp tục khởi sắc với giá trị tăng thêm toàn ngành ước tính tăng 6.18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6.98%, đóng góp 1.73 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11.97%, đóng góp 0.45 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4.99%, đóng góp 0.03 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 5.84%, làm giảm 0.20 điểm phần trăm.

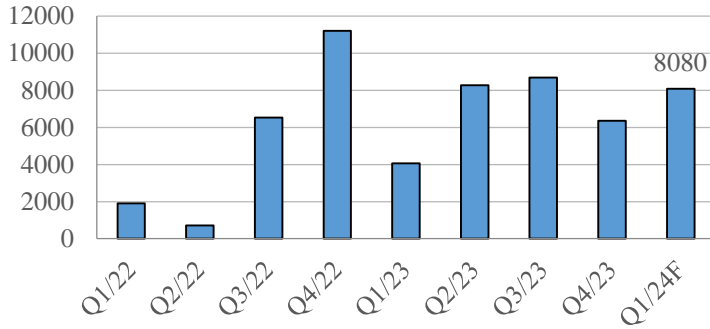
Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 3 giảm về 49.9 điểm sau khi đạt 50.4 điểm trong tháng 2. Với mức này, PMI của Việt Nam thấp hơn so với mức trung bình của ASEAN là 51.5 điểm, thấp hơn ba quốc gia Singapore, Indonesia và Philippines nhưng cao hơn Thái Lan, Malaysia và Myanmar. Chỉ số PMI dưới 50 điểm trong tháng 3 đã báo hiệu sự kết thúc của thời kỳ cải thiện điều kiện kinh doanh kéo dài hai tháng vào đầu năm 2024, nhưng cũng cho thấy các điều kiện hoạt động về tổng thể gần như không thay đổi.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

1. TỔNG QUAN KTVM VIỆT NAM THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

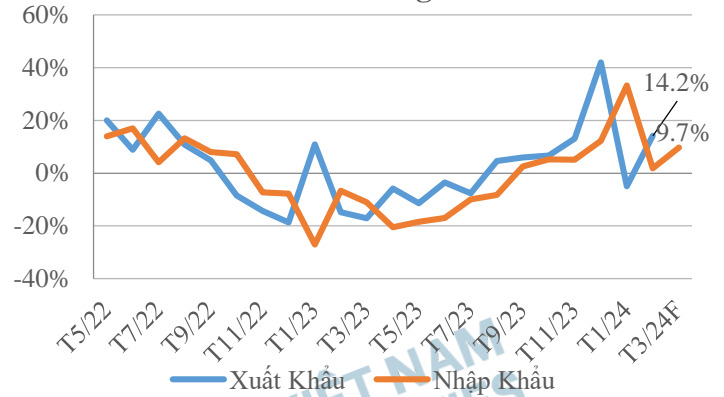
d. Xuất nhập khẩu có sự tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ

Hình. Cán cân thương mại xuất nhập khẩu theo quý (triệu USD)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng xuất nhập khẩu theo tháng YoY



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Xuất khẩu hàng hóa: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 34.01 tỷ USD, tăng 37.8% so với tháng trước. Tính chung quý I/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 93.06 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 25.21 tỷ USD, tăng 26.2%, chiếm 27.1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 67.85 tỷ USD, tăng 13.9%, chiếm 72.9%.

Nhập khẩu hàng hóa: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 31.08 tỷ USD, tăng 33.4% so với tháng trước. Tính chung quý I/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 84.98 tỷ USD, tăng 13.9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 29.7 tỷ USD, tăng 14.4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 55.28 tỷ USD, tăng 13.6%.

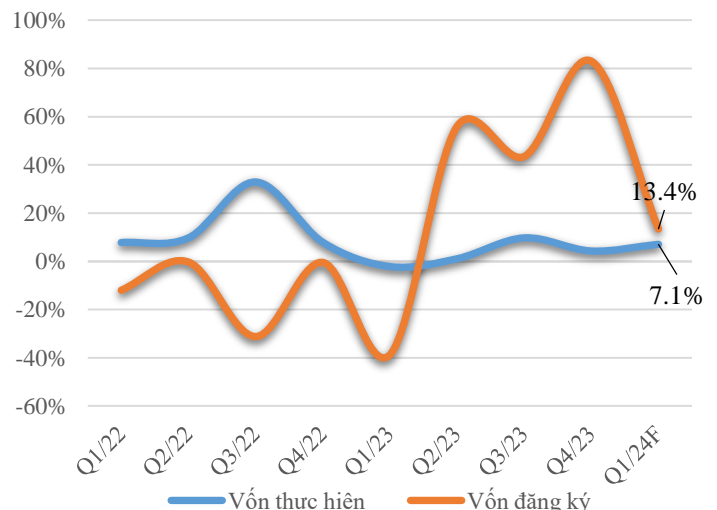
Cán cân thương mại: Trong tháng 3, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65.09 tỷ USD, tăng 35.6% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178.04 tỷ USD, tăng 15.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13.9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8.08 tỷ USD.

e. FDI đăng ký và thực hiện là điểm sáng

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6.17 tỷ USD, tăng 13.4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ba tháng đầu năm 2024 ước đạt 4.63 tỷ USD, tăng 7.1% YoY. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của ba tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3.61 tỷ USD, chiếm 78%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 460.4 triệu USD, chiếm 9.9%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 197.5 triệu USD, chiếm 4.3%.

Hình. Tăng trưởng FDI



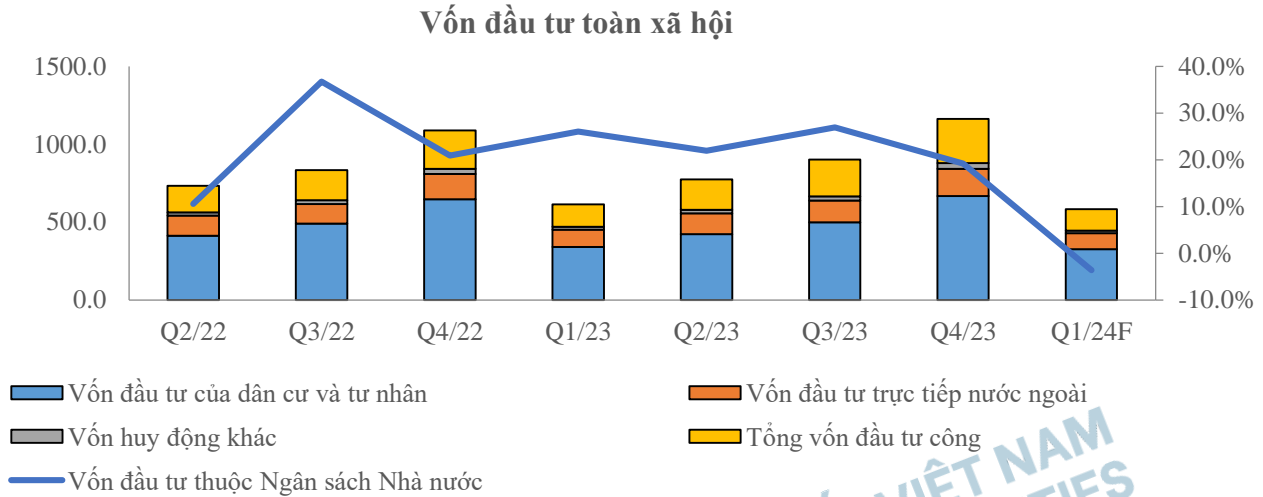
Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong ba tháng đầu năm 2024 có 22 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 28,7 triệu USD, giảm 74,6% so với cùng kỳ năm trước

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

1. TỔNG QUAN KTVM VIỆT NAM THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

f. Vốn thực hiện từ ngân sách tăng tốt so với cùng kỳ

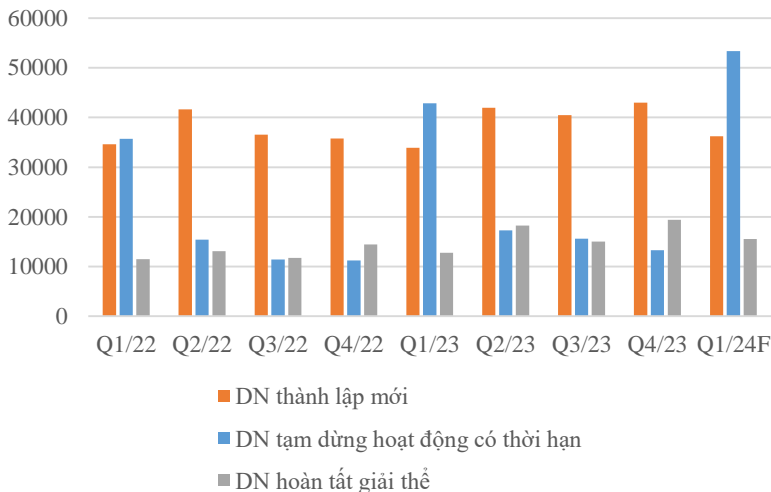


Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2024 theo giá hiện hành ước đạt 613.9 nghìn tỷ đồng, tăng 5.2 % so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 162.7 nghìn tỷ đồng, chiếm 26.5% tổng vốn, tăng 4.9%; Vốn khu vực ngoài nhà nước ước đạt 340.7 nghìn tỷ đồng, chiếm 55.5%, tăng 4.2%; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 110.5 nghìn tỷ đồng, chiếm 18.0%, tăng 8.9%. Trong tổng vốn đầu tư của khu vực nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện quý I/2024 ước đạt 9,7748.4 tỷ đồng, bằng 13.9% kế hoạch năm và tăng 3.7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức đạt kế hoạch năm cao nhất trong các quý I từ năm 2019 đến nay.

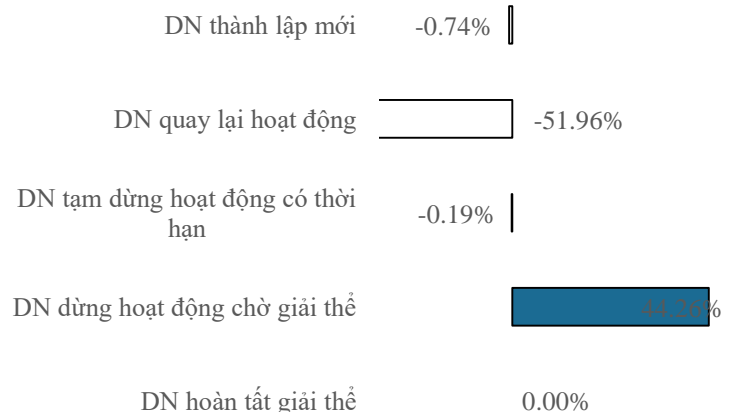
g. Doanh nghiệp đăng ký có tín hiệu hồi phục tăng trưởng

Hình. Tình hình đăng ký doanh nghiệp theo quý



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình. Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 3 (YOY)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

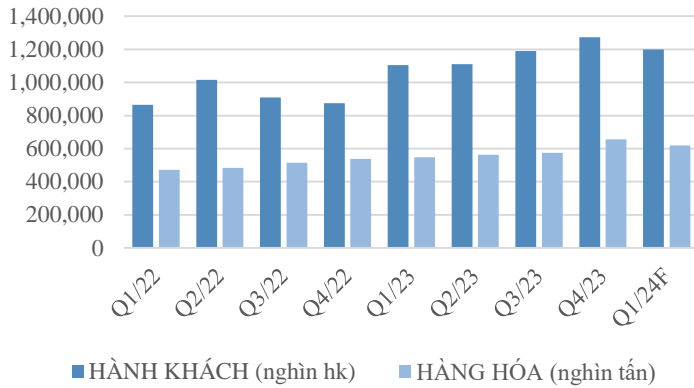
Trong tháng 3, cả nước có 14.1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 113.5 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký 104.4 nghìn lao động, tăng 64.3% về số doanh nghiệp, tăng 68.7% về vốn đăng ký và tăng 105.2% về số lao động so với tháng 02/2024. Tính chung quý I/2024, cả nước có hơn 36.2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 332.2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 258.8 nghìn lao động, tăng 6.9% về số doanh nghiệp, tăng 7% về vốn đăng ký và tăng 21.9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong ba tháng đầu năm 2024 đạt 9.2 tỷ đồng, tăng 0.1% so với cùng kỳ năm 2023.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

1. TỔNG QUAN KTVM VIỆT NAM THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

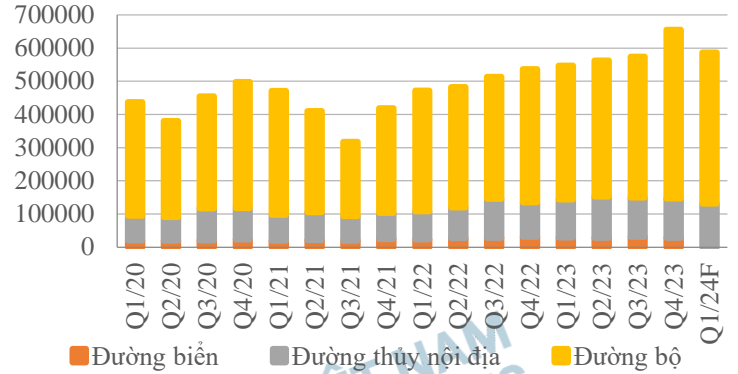
h. Vận tải hành khách và hàng hóa đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ

Vận tải Hành khách - Hàng hoá



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình. Vận tải hàng hóa theo loại hình theo Quý (nghìn tấn)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

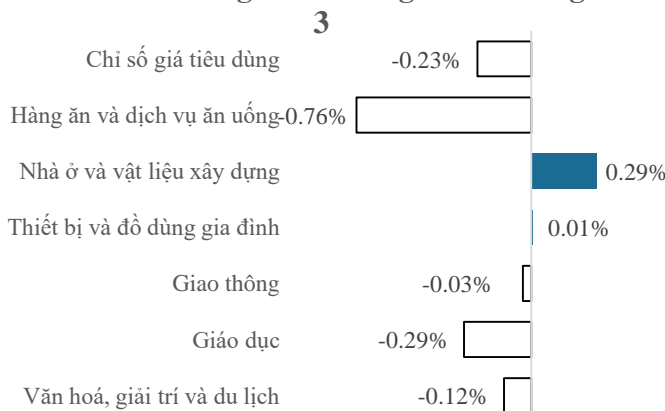
Trong quý I/2024, vận tải hành khách ước đạt 1,199.6 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 8.5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 27.7%) và luân chuyển đạt 66.6 tỷ lượt khách.km, tăng 10.7% (cùng kỳ năm trước tăng 57%).

Trong quý I/2024, vận tải hàng hóa ước đạt 620.1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 16%) và luân chuyển 129.2 tỷ tấn.km, tăng 11.2% (cùng kỳ năm trước tăng 20.7%). Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 608.6 triệu tấn vận chuyển, tăng 13.1% và 79.6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 9.6%; vận tải ngoài nước ước đạt 11.5 triệu tấn vận chuyển, tăng 7.8% và 49.6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 13.8%.

Khách quốc tế đến Việt Nam quý I/2024 đạt hơn 4.6 triệu lượt người, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3.2% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19, cho thấy ngành du lịch đang ngày càng phục hồi mạnh mẽ.

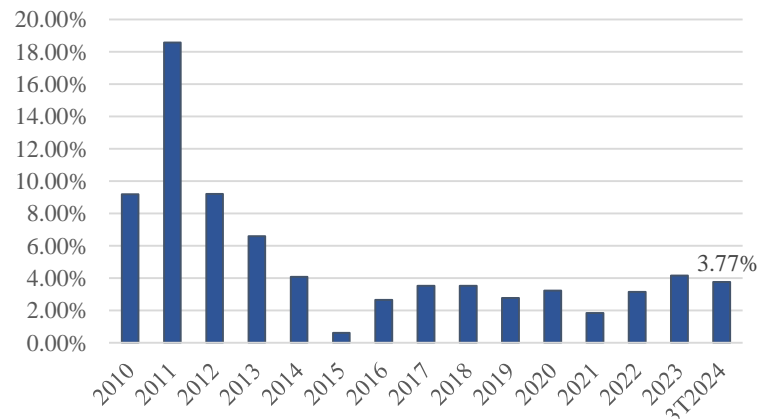
i. Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu đề ra

Hình. Chỉ số giá tiêu dùng MoM tháng



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Tăng trưởng CPI



So với tháng trước, CPI tháng 3/2024 giảm 0.23% (khu vực thành thị giảm 0.21%; khu vực nông thôn giảm 0.25%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng giảm giá và 4 nhóm hàng tăng giá. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 3/2024 tăng 3.97%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 1 nhóm giảm giá.

Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý I/2024 tăng 3.77% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2.81%.

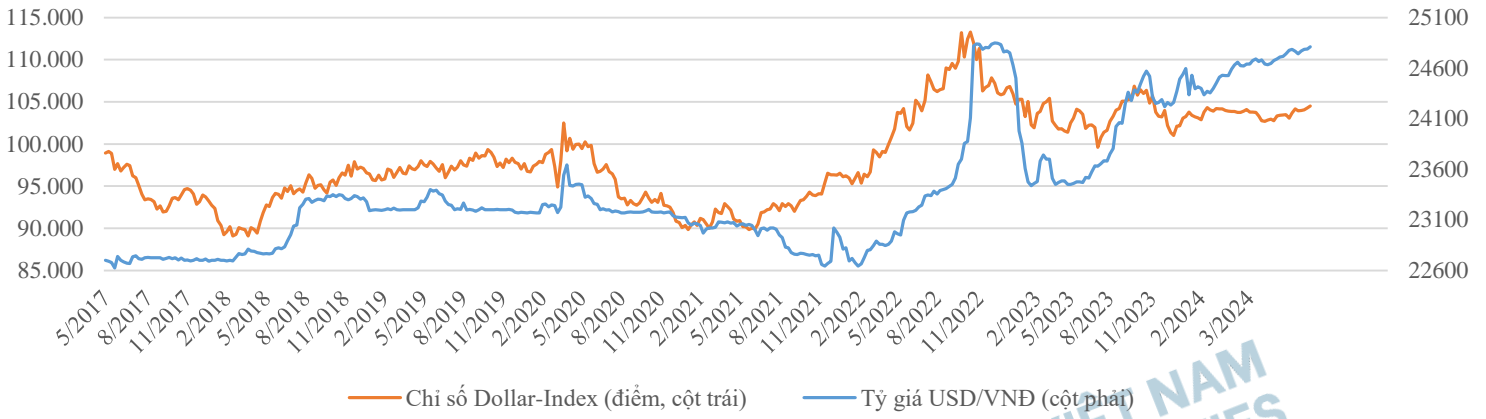


CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

a. Tỷ giá – Điểm nóng trong tháng 3

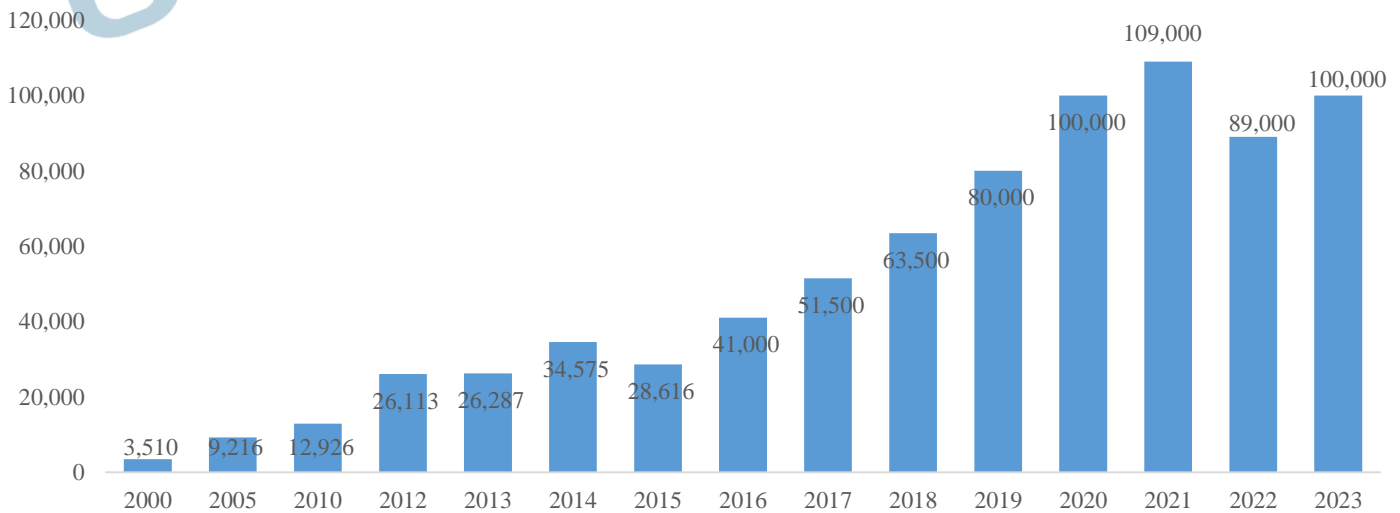
Tỷ giá USD/VND và Chỉ số Dollar-Index



Nguồn: CSI tổng hợp

Tỷ giá đang là điểm nóng trong những tháng gần đây. Trong tháng 3, chỉ số Dollar Index dừng ở mức 104.49 điểm, tăng 0.392 điểm (+0.38%) so với tháng trước và tăng 2.31% so với cuối năm 2023. Đồng Dollar tăng giá cũng tác động với tỷ giá, khiến tỷ giá USD/VND biến động khá mạnh trong thời gian qua. Tỷ giá USD/VND tăng 170 đồng (+0.69%) trong tháng 3 và tăng 1.8% so với cuối năm 2023. Sự trái chiều giữa 2 chính sách nới lỏng - thắt chặt của SBV và Fed là nguyên nhân chính khiến tỷ giá sẽ còn biến động mạnh trong thời gian vừa qua.

Dự Trữ Ngoại Hối (Triệu USD)



Nguồn: Fiin, CSI tổng hợp

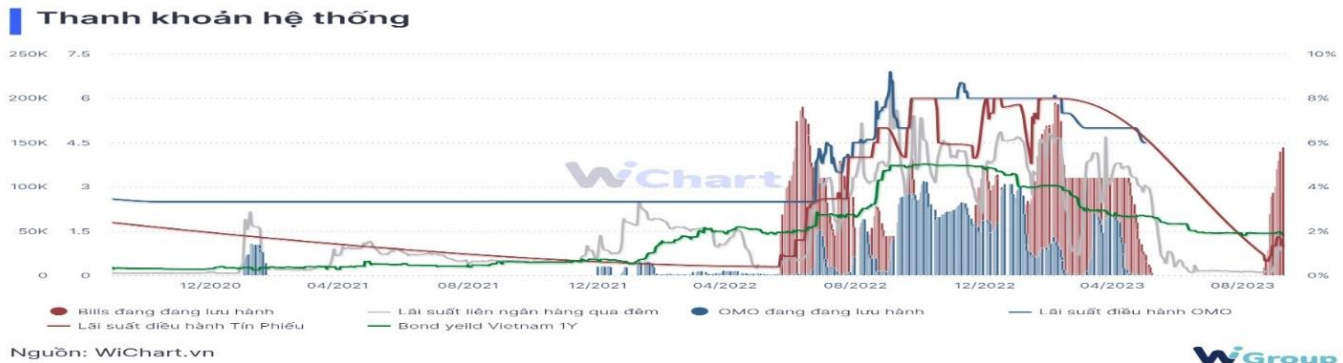
Sau khi bán ròng khoảng (21-25) tỷ USD trong năm 2022, tương đương khoảng (19-23%) lượng dự trữ ngoại hối thì NHNN đã có những động thái mua ròng USD trong những tháng đầu năm 2023. NHNN đã mua tỷ 4 tỷ USD trong quý I, thêm khoảng 2 tỷ trong tháng 4 và tháng 5 đưa dự trữ lên mức 95 tỷ USD ở thời điểm kết thúc quý III/2024. Tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng lên trong những tháng gần đây nên SBV không có động thái mua thêm USD trong quý III.

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), dự trữ ngoại hối của Việt Nam cuối năm 2023 là 100 tỷ USD và sẽ tăng 10% lên mức 110 tỷ USD trong năm 2024.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

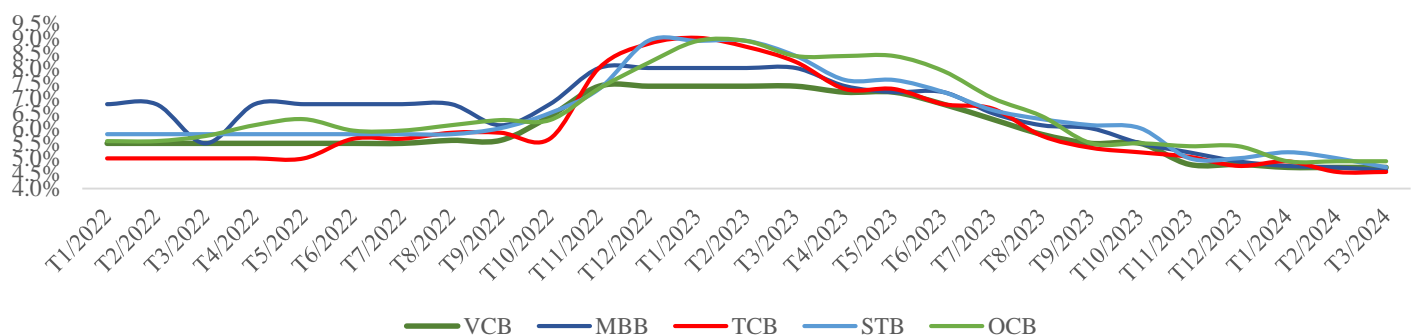
b. Lãi suất: SBV giảm lãi suất điều hành 4 lần trong 2023 và giữ nguyên đến nay.



Nguồn: Wichart.vn

Sau 2 lần tăng lãi suất trong năm 2022 (tháng 9 và tháng 10, mỗi lần tăng 1%) thì bước sang 2023, bước ngoặt chính sách đã xuất hiện trong chính sách tiền tệ của NHNN (SBV). Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất với mức giảm từ 0.5% đến 2%/năm. Cụ thể: (1) Giảm 1.5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD; (2) Giảm 0.5% đến 1.25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1.5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. SBV đã điều chỉnh giảm lãi suất 4 lần vào các ngày 15/03/2023, 03/04/2023, 25/05/2023 và 19/06/2023.

Lãi suất huy động 12 tháng



Các mức lãi suất điều hành hiện tại vào cuối năm 2023 như sau: Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của SBV đối với TCTD là 5%/năm; lãi suất tái cấp vốn 4.5%/năm; lãi suất tái chiết khấu 3.0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng 4.75%/năm; lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô 5.25%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế 4.0%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô 5.0%/năm.



CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

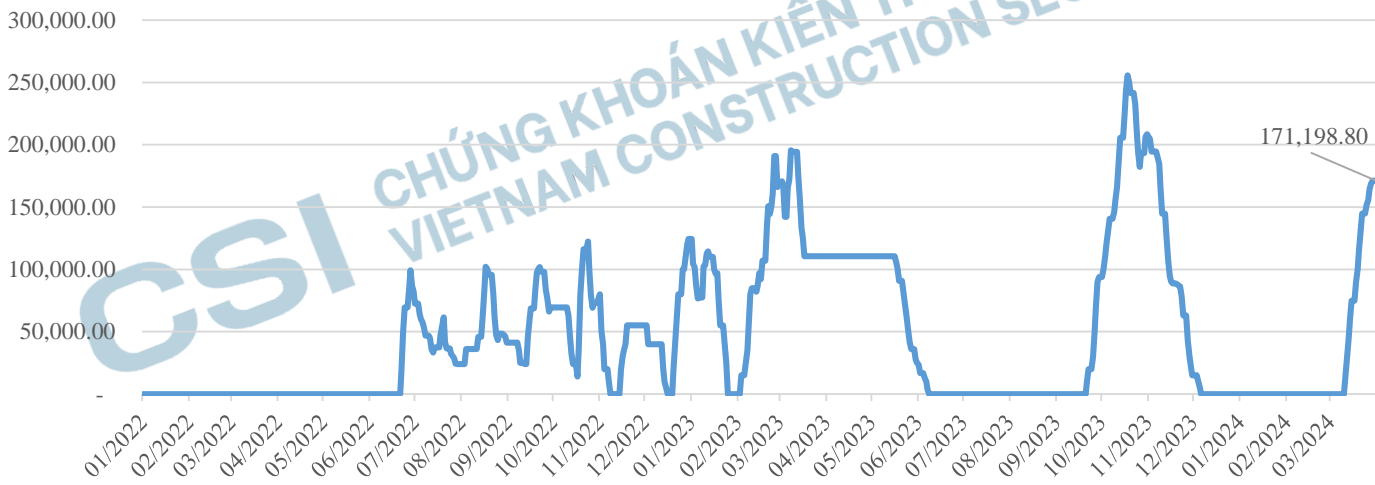
2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

Lãi suất cho vay qua đêm lập tức biến động theo chiều hướng giảm khi SBV điều hành hạ lãi suất cho vay thông qua thị trường liên ngân hàng, cho vay qua đêm giảm mạnh từ mức 4.2% vào tháng 4/2023 xuống còn 0.14% khi kết thúc năm 2023. Lãi suất VND liên ngân hàng ở mức thấp, khiến chênh lệch lãi suất liên ngân hàng giữa VND và USD giãn ra, gây biến động mạnh đến tỷ giá. Trước tính thế đó, SBV đã khởi động lại kênh tín phiếu trong tháng 3.2024.

c. Thanh khoản dồi dào, SBV tái khởi động kênh tín phiếu trong tháng 3/2024

Kể từ ngày 11/3, NHNN đã bắt đầu phát hành tín phiếu để hút thanh khoản dư thừa, tác động vào chênh lệch lãi suất VND - USD nhằm hạ nhiệt tỷ giá. SBV phát hành 15,000 tỷ kỳ hạn 28 ngày với lãi suất 1.4%/năm. Liên tục các ngày sau đó SBV tiếp tục phát hành tín phiếu cho đến hết tháng 3/2024. Lũy kế đến hết tháng 3, SBV đã phát hành 171,198 tỷ VND. Lô tín phiếu đầu tiên sẽ đáo hạn vào ngày 08/04/2024.

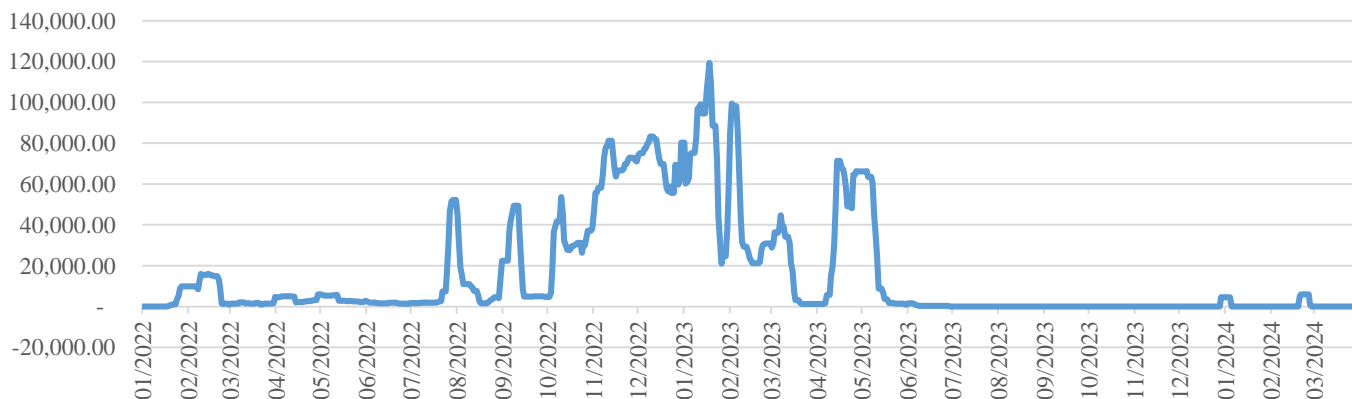
TỔNG HÚT (11/3/2024 – 29/03/2024)



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Trên kênh OMO SBV không bơm trong suốt tháng 3 vừa qua. Điều cho cho thấy thanh khoản hiện tại đang khá dư thừa và khả năng SBV sẽ tiếp tục phát hành tín phiếu hút tiền trong các tháng tới sau khi lô tín phiếu đầu tiên đáo hạn. Việc phát hành tín phiếu hút tiền về cũng đã đẩy lãi suất qua đêm liên ngân hàng tăng lên đáng kể, từ 0.97% trong tháng 1/2024 lên mốc 2.51% cuối tháng 3.2024.

TỔNG BƠM

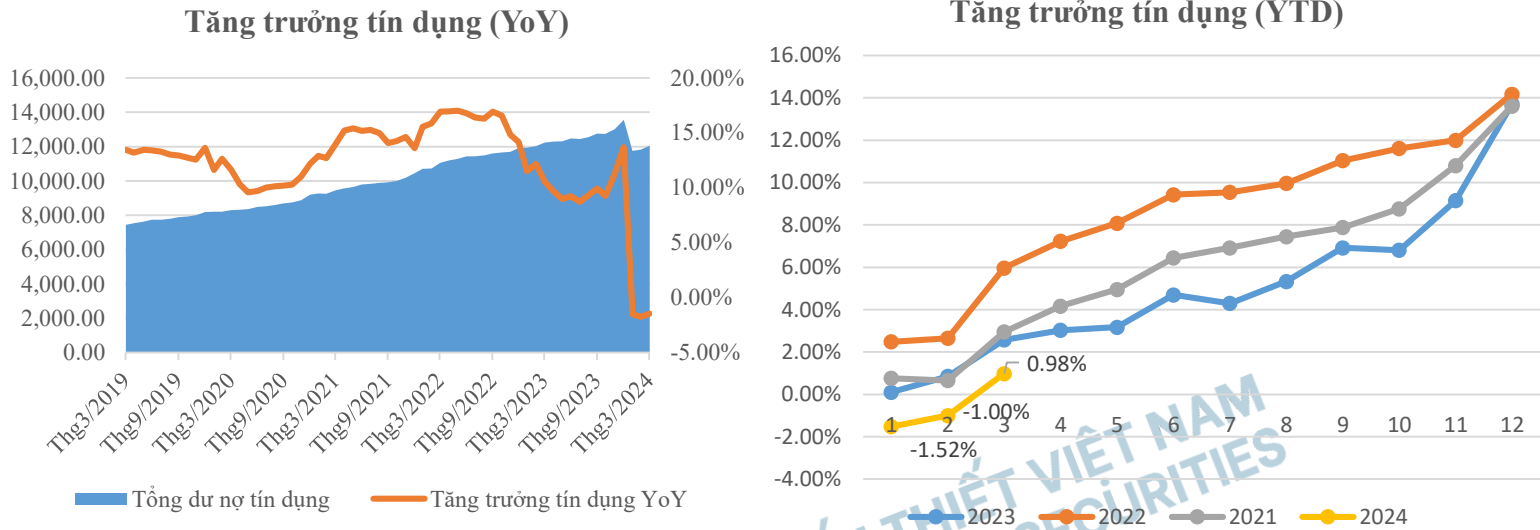


Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

d. Tăng trưởng tín dụng vẫn đang ở mức thấp, nhưng đã có sự bứt phá về cuối năm



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

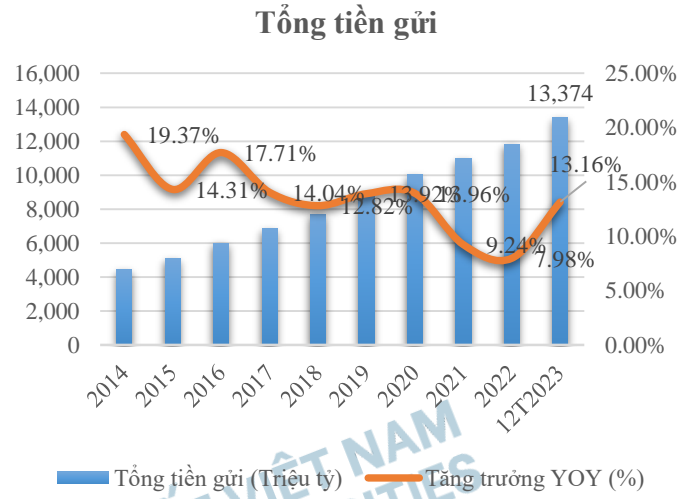
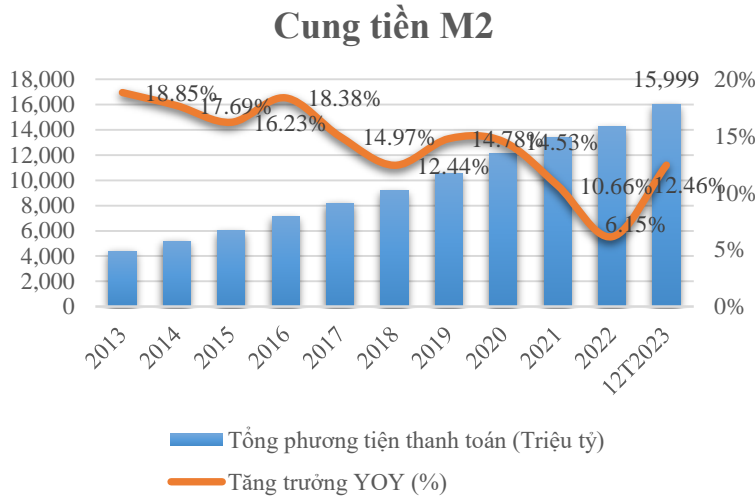
Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14-15%, cao hơn năm 2022 và có điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường. Tuy nhiên, đến hết tháng 11, tăng trưởng tín dụng vẫn rất thấp, chỉ đạt 9.15%. Song những ngày cuối cùng của tháng 12, tốc độ tăng trưởng tín dụng bất ngờ bứt phá mạnh. Cụ thể tính đến cuối năm 2023, tổng dư nợ tín dụng đạt 13.56 triệu tỷ đồng, tăng 13.71% so với năm 2022, gần đạt mục tiêu tăng trưởng 14-15% đã đặt ra.

Bước sang 2024, để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng cung ứng nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng nhà nước (NHNN) giao hết toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng là 15% cho năm 2024. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng trong 3 tháng gần đây là rất yếu, thậm chí còn tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm 2024. Tuy vậy mức tăng trưởng dương đã quay lại tính đến hết tháng 3.2024. Cụ thể, tính đến tháng 3/2024, tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 0.98% với tổng mức tín dụng đạt 12.053 triệu tỷ đồng.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

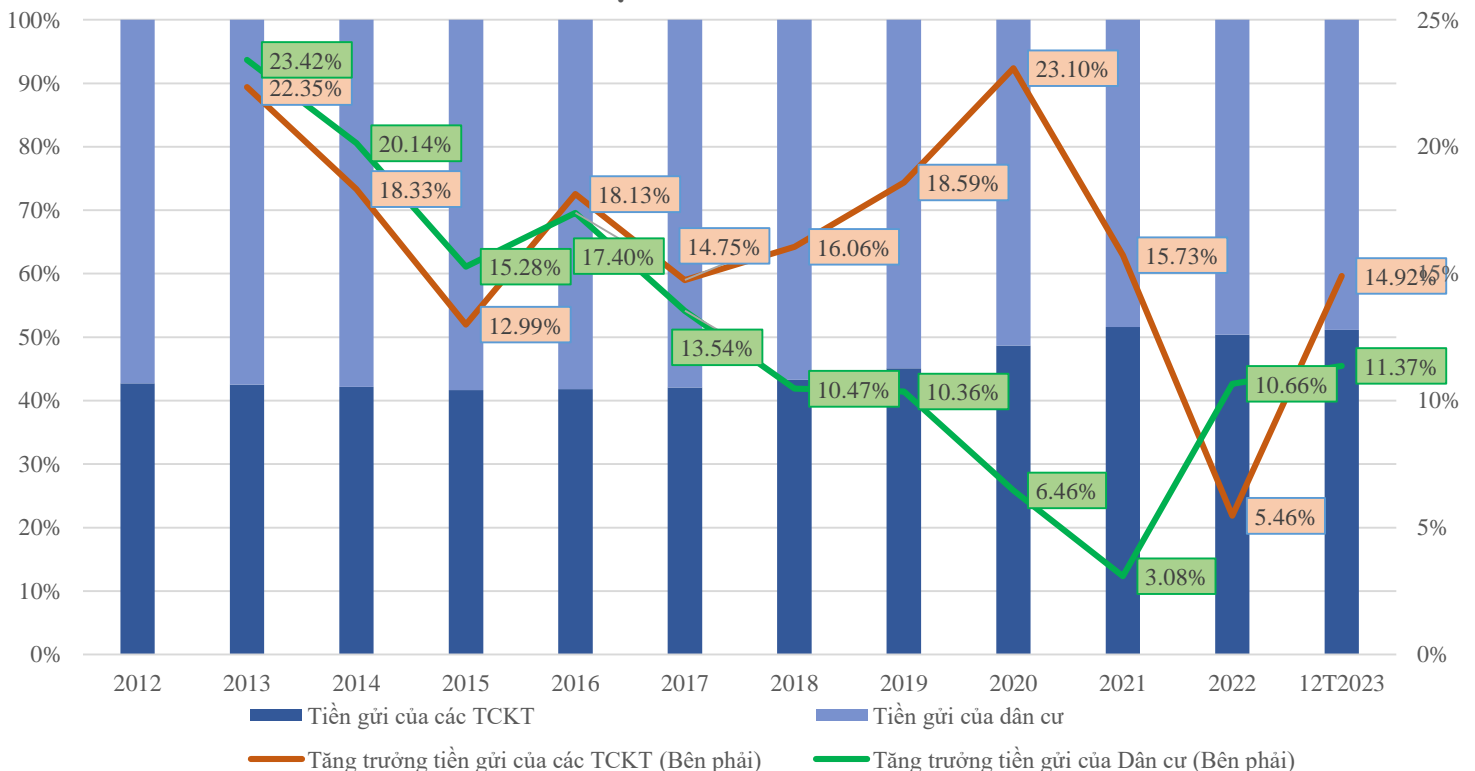
e. Cung tiền M2 tăng trưởng thấp so với cùng kỳ



Nguồn: GSO, SBV, CSI tổng hợp

Tốc độ tăng trưởng cung tiền khá chậm theo số liệu thống kê tính đến tháng 12/2023. Tính tới tháng 12/2023, cung tiền M2 đạt 15.999 triệu tỷ VND, tăng 12.46% so với cuối năm 2022. Điều đáng chú ý là tổng tiền gửi tăng cao hơn so mức tăng cung tiền, với mức tăng 13.16% (13.37 triệu tỷ) trong 2023. Trong mức tổng tiền gửi lại có sự trái chiều diễn ra giữa các tổ chức kinh tế và dân cư trong 10 tháng đầu năm. Cụ thể, số dư tiền gửi của tổ chức kinh tế tại các ngân hàng tăng 8.45%, trong khi nguồn tiền gửi dân cư tăng mạnh tới 13.95%. Tuy nhiên, tính đến cuối 2023 thì tốc độ tăng tiền gửi của dân cư (+11.37%) giảm xuống, trong khi các tổ chức kinh tế (+14.92%) tăng lên.

TỶ TRỌNG GIỮA TIỀN GỬI CỦA CÁC TCKT VÀ TIỀN GỬI CỦA DÂN CƯ CÙNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THEO NĂM



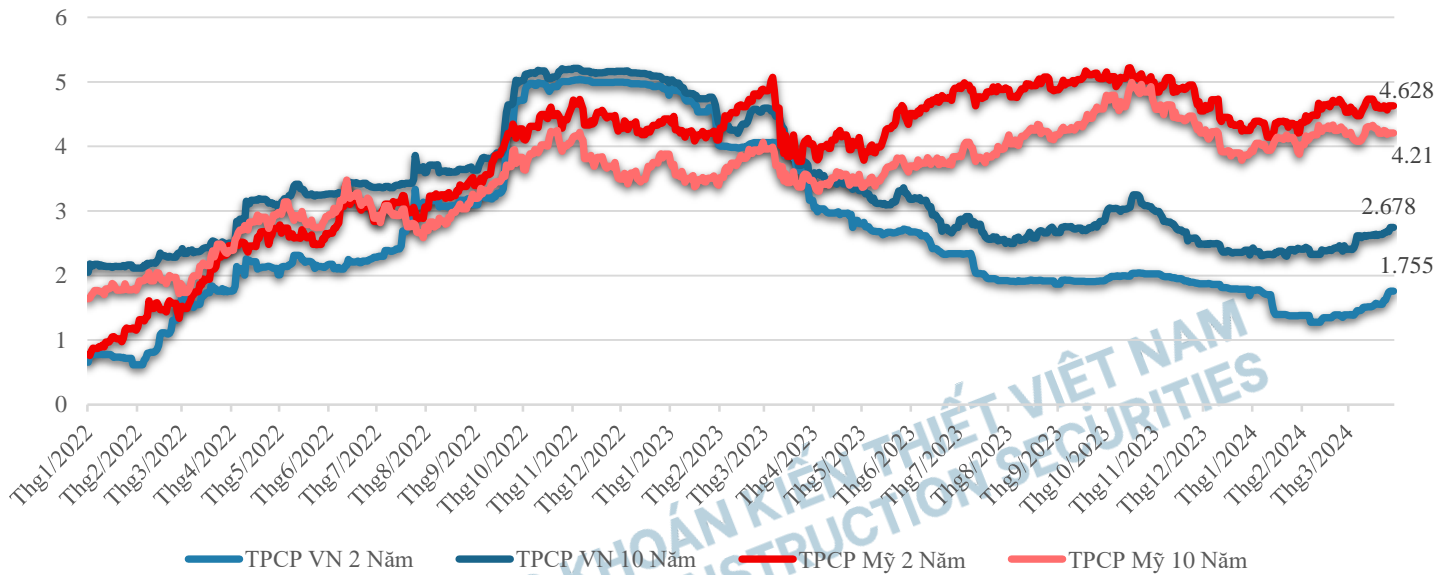
Nguồn: GSO, SBV, CSI tổng hợp

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

f. Lợi suất trái phiếu VND có chiều hướng tăng nhẹ – Thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa USD -VND

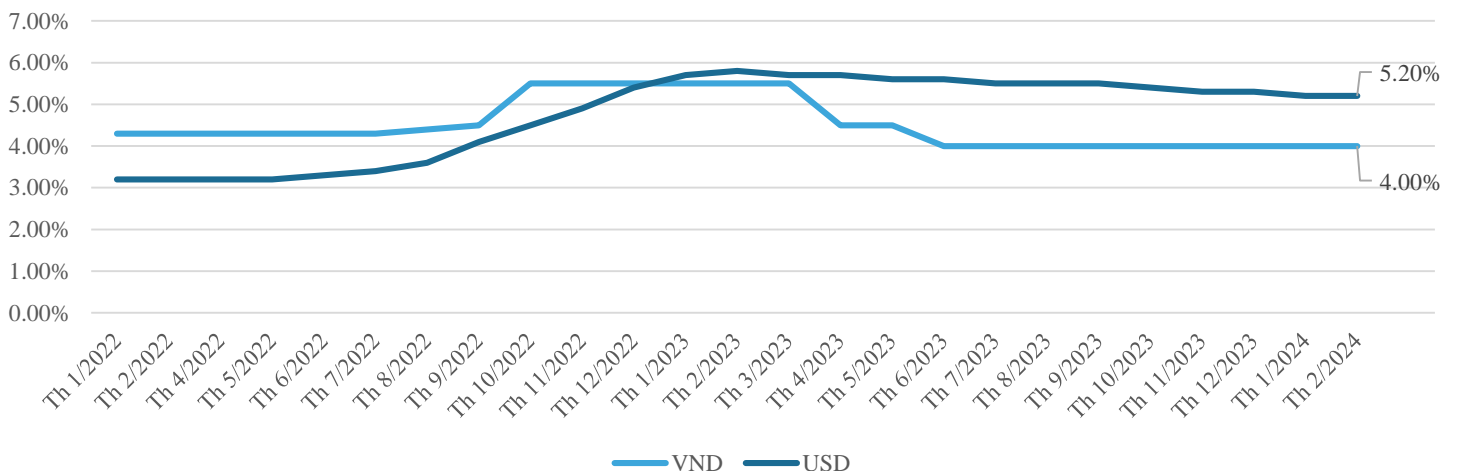
Lợi suất trái phiếu chính phủ (%)



Nguồn: GSO, SBV, CSI tổng hợp

Lợi suất trái phiếu chính phủ có sự tăng nhẹ trong 3 tháng đầu năm 2024. So sánh với lợi suất cùng kỳ hạn của Mỹ đang cho thấy lợi suất trái phiếu của Việt Nam ở mức thấp hơn rất nhiều, nhưng đã có sự thu hẹp đáng kể so với thời gian trước. Nguyên nhân chính là FED đã hoàn thành chu kỳ thắt chặt và khả năng cao sẽ bắt đầu giảm lãi suất điều hành từ quý II/2024. Mức chênh lệch lợi suất trái phiếu các kỳ hạn giữa Mỹ và Việt Nam khả năng sẽ được thu hẹp dần trong năm 2024 khi có sự đồng pha giữa 2 ngân hàng trung ương. Mức cho vay ngắn hạn hiện tại của ngân hàng nhà nước giữa USD và VND cũng đang chênh 1.2% tính đến hết tháng 2/2024.

Lãi suất cho vay ngắn hạn VND và USD của NHTM Nhà Nước



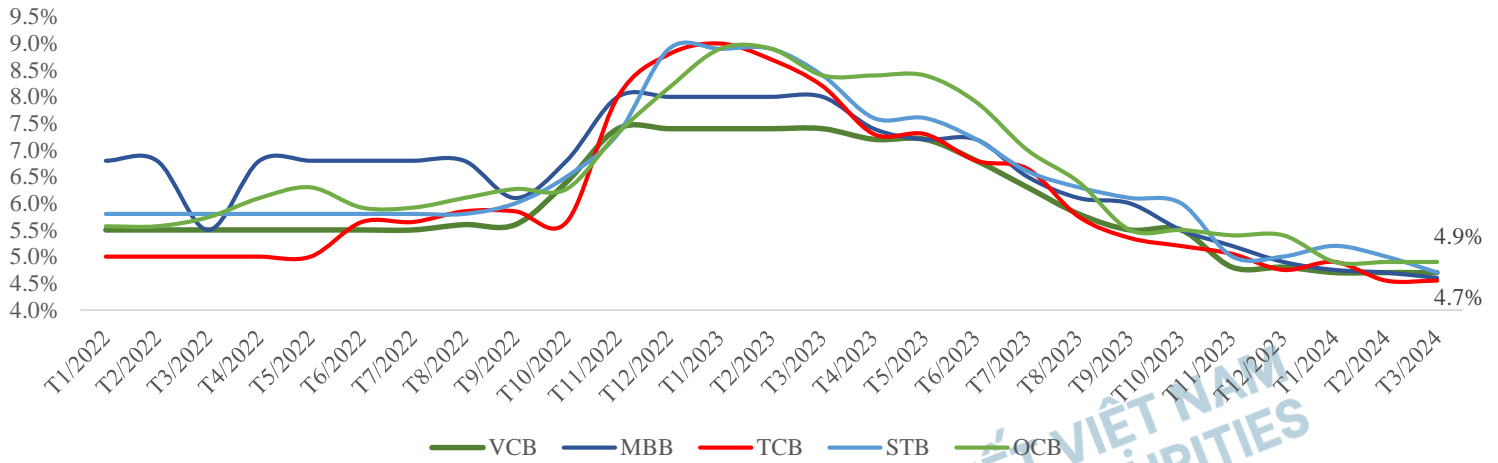
Nguồn: GSO, SBV, CSI tổng hợp

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

2. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THÁNG 3 & 3 THÁNG ĐẦU 2024

g. Lãi suất huy động tiếp tục giảm, trong khi lãi suất cho vay giảm nhẹ hơn

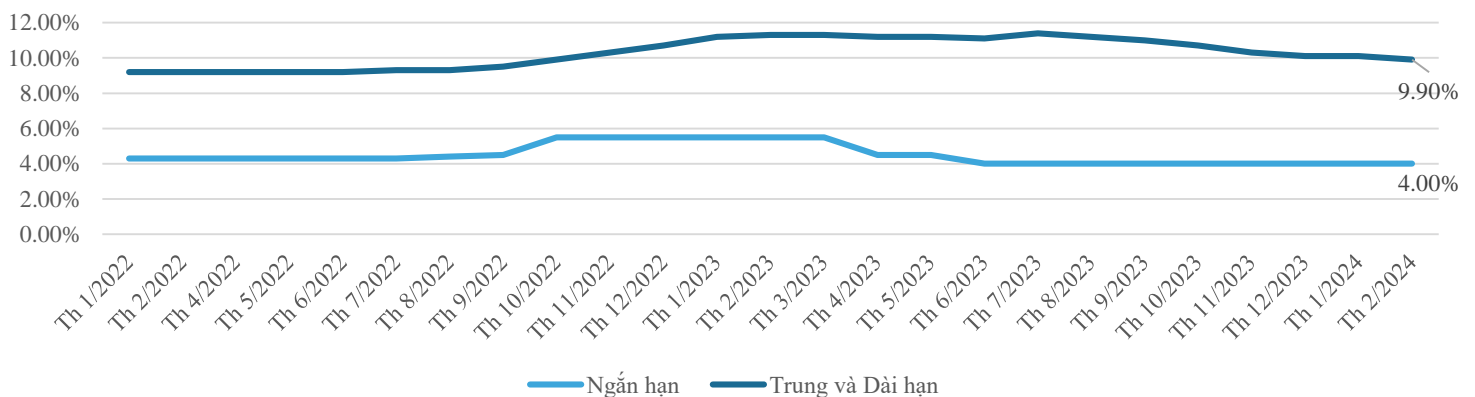
Lãi suất huy động 12 tháng



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Lãi suất huy động đã có sự sụt giảm mạnh trong năm 2023. Cuối năm 2023 mức lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng dao động trong khoảng 4.8%-5.4% tùy thuộc từng ngân hàng. Mức lãi suất này đã sụt giảm mạnh từ 2.6% tới 4.1% tính từ tháng 1/2023. Bước sang 2024, lãi suất huy động tiếp tục có xu hướng giảm. Hiện tại mức lãi suất huy động đang ở mức thấp trong vòng 20 năm trở lại đây, còn so với giai đoạn COVID-19, lãi suất huy động kỳ hạn trên 12 tháng đang thấp hơn khoảng 0.6%. Hiện tại mặt bằng lãi suất huy động đã giảm sâu về mức trước dịch COVID-19 và còn ít dư địa để giảm thêm, mức giảm nếu có cũng không lớn. Mức lãi suất huy động ở mức trung bình (4.6% - 4.9)% với kỳ hạn 12 tháng tính tới cuối tháng 3/2024.

Lãi suất cho vay SXKD thông thường của NHTM Nhà Nước



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Lãi suất huy động 12 tháng hầu hết đều sụt giảm khá mạnh và hiện đang ở mức đáy, tuy nhiên lãi suất cho vay không sụt giảm tương ứng, mà chỉ suy giảm nhẹ. Hiện tại so với mặt bằng lãi suất cho vay cuối năm 2023 thì mức lãi suất cho vay chỉ sụt giảm ở mức 0.2% cho trung và dài hạn, đồng thời giữ nguyên ở mức 4% trong ngắn hạn.

Chúng tôi kỳ vọng lãi suất cho vay sẽ có chiều hướng giảm nhiều hơn trong năm 2024 để hỗ trợ tăng trưởng theo chỉ đạo của chính phủ.



CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.1 Các chỉ số KTVM 2024 - Tăng trưởng tốt hơn so với 2023

a. Tăng trưởng GDP trong năm 2024 vẫn gặp thách thức nhưng sẽ tốt hơn 2023

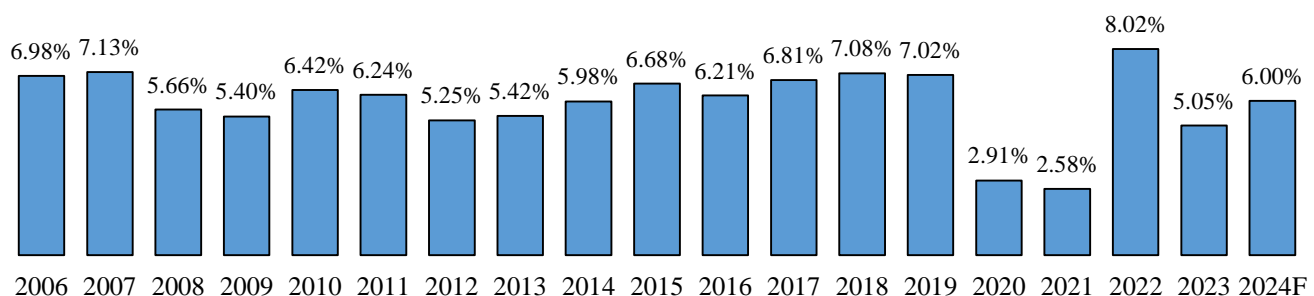
Theo số liệu thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam 2023 chưa đạt mục tiêu đề ra, tuy nhiên đã có sự cải thiện từng quý so với các quý trước đó (quý I tăng 3.28%, quý II tăng 4.05%, quý III tăng 5.33%, quý IV tăng 6,72%). Tính chung cả năm 2023, GDP tăng 5.05% so với năm trước. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.83%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3.74%, khu vực dịch vụ tăng 6.82%.

% tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 2024						
IMF	WB	Bloomberg	HSBC	ADB	Standard Chartered	Trung bình
5.80%	5.50%	6.00%	6.30%	6.00%	6.70%	6.05%

Thống kê cho thấy các dự báo của nhiều tổ chức kinh tế lớn trên thế giới cho thấy mức độ tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam là 6.05%, đều vượt 5.05% của năm 2023. Trong khi đó, mục tiêu Quốc hội đề ra trong năm 2024 là 6-6.5%, cũng không quá cách biệt với các dự báo của các tổ chức lớn trên thế giới. So với các dự báo của tổ chức lớn, chúng ta nhận thấy mục tiêu của Quốc hội khá thách thức, nếu tăng trưởng phải đạt 6.5% trong năm 2024. Chính phủ cũng xác định, mục tiêu tăng trưởng sẽ được ưu tiên hàng đầu trong năm 2024. Phải tập trung thúc đẩy các động lực tăng trưởng, bao gồm xuất khẩu, tiêu dùng và đặc biệt là đầu tư (đầu tư công, đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài), đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2024.

Kết thúc Q1.2024, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5.66% là mức tăng cao nhất trong 4 năm trở lại đây và vượt dự báo của nhiều chuyên gia. Theo đó, Kinh tế Việt Nam trong quý II và cả năm 2024 dự báo tăng trưởng cao hơn, GDP quý II có thể đạt 5.7% - 6.1%, giúp GDP nửa đầu năm 2024 tăng 5.7% - 6.0% và cả năm 2024 có thể tăng 6.0-6.5% theo như mục tiêu đã đề ra. Chúng tôi tiếp tục giữ nguyên kỳ vọng tăng trưởng GDP như trong báo cáo đầu năm.

Hình. Tăng trưởng GDP năm



CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

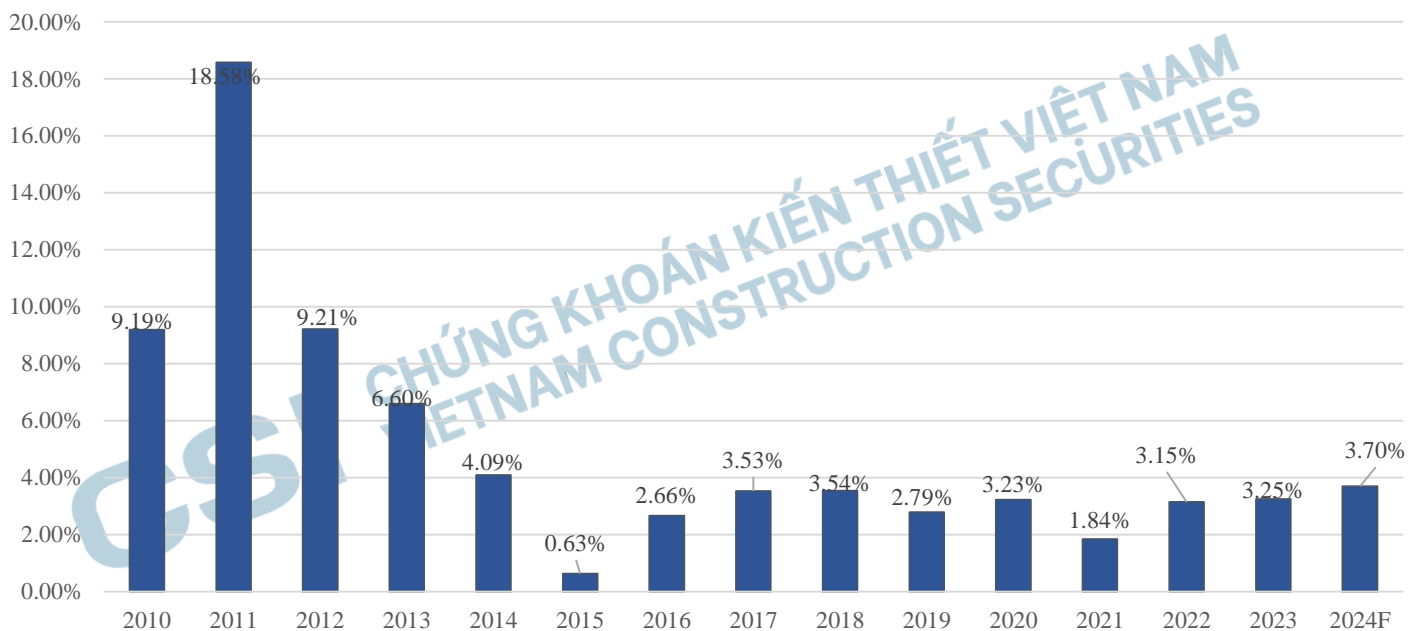
3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.1 Các chỉ số KTVM 2024 - Tăng trưởng tốt hơn so với 2023

b. CPI 2024 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra

Mục tiêu CPI bình quân đề ra cho năm 2024 đặt trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục nỗ lực thúc đẩy phục hồi kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao theo kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 đề ra từ 6.5-7%. Theo đó, mức tăng CPI bình quân từ 4-4.5% trong năm 2024 là mục tiêu được Quốc hội thông qua trong kỳ họp tháng 11/2023.

Tăng trưởng CPI – 2024F



Nguồn: CSI tổng hợp & Dự báo

CPI bình quân quý I/2024 tăng 3.77% và lạm phát cơ bản bình quân quý I/2024 tăng 2.81% so với cùng kỳ, thấp hơn so với mức 2.84% của 2 tháng đầu năm nhờ đà giảm giá của nhiều nguyên vật liệu đầu vào và cung tiền tăng chậm (tín dụng chỉ tăng 0.86% trong quý I/2024. Vì vậy khả năng mức tăng CPI bình quân trong 2024 sẽ đạt được mục tiêu.

Tổng hợp các ý kiến của nhiều chuyên gia với nhiều ý kiến cho rằng tăng trưởng CPI của Việt Nam 2024 hoàn toàn nằm trong mục tiêu Quốc hội đã thông qua. Theo thống kê của chúng tôi, mức tăng trưởng CPI trong 2024 của nhiều chuyên gia nằm trong mức 3.5%-4.0% thấp hơn mục tiêu của Quốc hội. Chúng tôi kỳ vọng mức tăng CPI ở ngưỡng trung bình so với dự báo, mức tăng trưởng CPI dự báo 3.7%. Không thay đổi so với dự báo đầu năm 2024.



CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.1 Các chỉ số KTVM 2024 - Tăng trưởng tốt hơn so với 2023

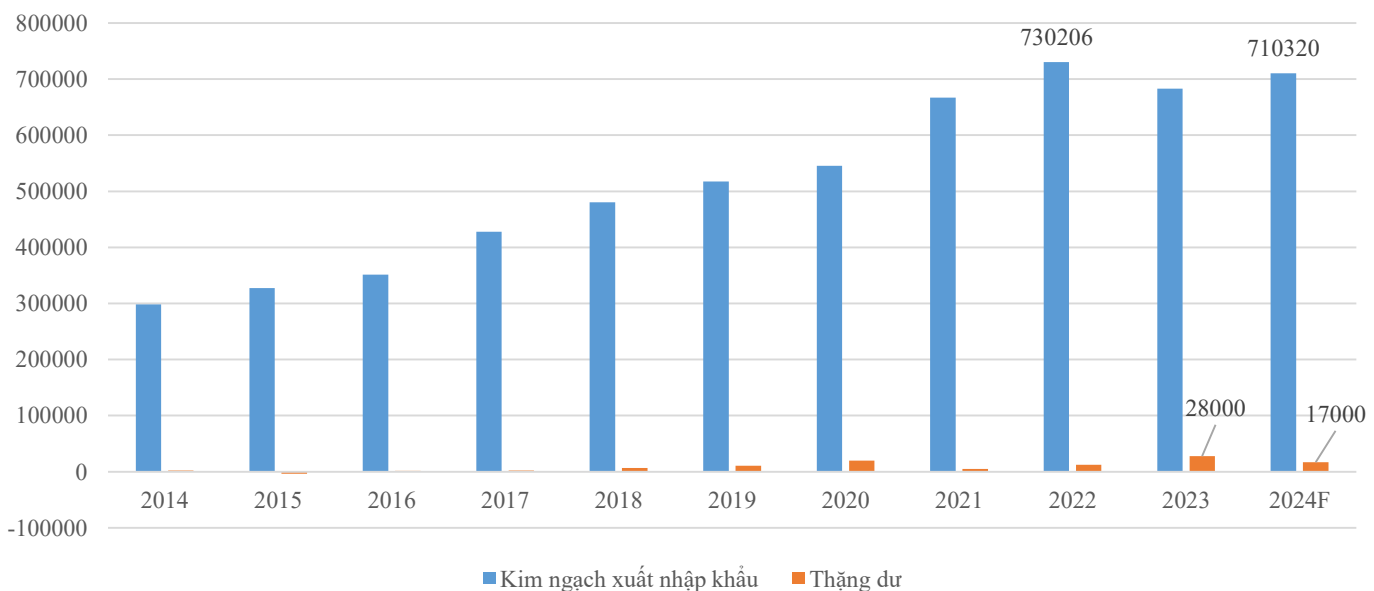
c. Kim ngạch xuất nhập khẩu quay lại đà tăng trưởng dương trong 2024

Dựa trên mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước năm 2024 ở mức 6-6.5%, Bộ Công Thương đặt chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6%, tương ứng 377 tỷ USD, cán cân thương mại duy trì trạng thái thặng dư khoảng 15 tỷ USD. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, kinh tế thế giới 2024 vẫn còn nhiều bất trắc, tuy nhiên những tín hiệu tích cực trong xu hướng xuất nhập khẩu của Việt Nam đang có sự cải thiện trong quý IV và có sự bùng nổ trong quý I/2024. Cụ thể, Tính chung quý I/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178.04 tỷ USD, tăng 15.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13.9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8.08 tỷ USD. Đây là những tín hiệu cho thấy xuất nhập khẩu đang từng bước hồi phục.

Vậy nên xuất, nhập khẩu của Việt Nam năm 2024 có thể tăng trưởng dương chứ không bị âm như năm 2023, mức tăng trưởng có thể nằm trong khoảng 5%-8% so với 2023.

Tuy vậy, kim ngạch xuất nhập khẩu hồi phục tăng trưởng dương từ tháng 9/2023 đến nay chưa thể hiện sự tích cực vì mức nền 2023 khá thấp, đặc biệt trong quý I/2023 là mức đáy, cộng với các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam như EU, Mỹ hay Nhật vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro suy thoái. Vậy nên chúng tôi không kỳ vọng vào sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024. Mức tăng trưởng dương 3%-5% là hợp lý theo kỳ vọng của chúng tôi, giữ nguyên so với dự báo đầu năm 2024.

Tổng kim ngạch XNK - Thặng dư
Đơn vị (triệu USD)



Nguồn: CSI tổng hợp & Dự báo

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.2 Chính sách tiền tệ - Duy trì nới lỏng trong năm 2024

Xu hướng thắt chặt của các NHTW trên thế giới đã có dấu hiệu dừng lại trong quý cuối cùng của năm 2023 và đang được kỳ vọng sẽ có sự nới lỏng từ quý II/2024.

Trong năm 2023, ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV) đã có 4 lần hạ lãi suất, đi ngược với xu hướng thắt chặt của các NHTW trên thế giới để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Với diễn biến hiện tại, khả năng SBV sẽ tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng hiện tại. Dự địa để cắt giảm thêm lãi suất không còn, nhưng nếu các NHTW trên thế giới mạnh tay cắt giảm lãi suất điều hành thì khả năng cao SBV cũng sẽ nới lỏng thêm. Tuy nhiên theo quan điểm của chúng tôi SBV sẽ không cắt giảm lãi suất điều hành trong 2024.

Kết luận: Chính sách tiền tệ tiếp tục duy trì nới lỏng trong 2024 để hỗ trợ kinh tế tăng trưởng.

Lãi suất hiện tại, số lần tăng và mức tăng tính từ T3/2022 đến nay của một số NHTW trên thế giới			
<i>Ngân hàng TW</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Số lần tăng</i>	<i>Mức tăng</i>
FED	5.55%	11	5.25%
ECB	4.50%	11	4.25%
BOE	5.25%	14	5.00%
SNB	1.75%	5	2.5%
RBA	4.35%	12	4.00%
BOC	5.00%	10	4.75%
BOJ	-0.10%	0	0.00%
RBNZ	5.50%	12	4.75%
PBOC	3.45%	2(-2)	-0.35%
SBV	4.0%	2 (-4)	0.5%

Nguồn: Investing - CSI tổng hợp

a. Tỷ giá biến động khá trong 2024 - VND mất giá so với USD, mức 2.5% - 3.5%

Trong năm 2023, VND có sự bình ổn so với USD mặc dù có sự trái chiều giữa 2 chính sách tiền tệ. Đã có lúc VND mất giá khá mạnh trong tháng 8, tháng 9, nhưng SBV đã can thiệp trên thị trường mở trong tháng 9, qua đó bình ổn được tỷ giá. Tính đến cuối năm 2023, VND mất giá 3.04% so với USD với đầu năm 2023. Nhìn chung, tỷ giá của VND so với USD trong năm 2023 khá ổn định và biến động cũng tương đồng với các đồng tiền khác trong khu vực. So sánh với USD đầu năm 2023, đồng MYR mất giá (-4.14%), đồng CNY mất giá (-2.63%), THB (0%), PHP (+0.98%), IDR (+1.31%).

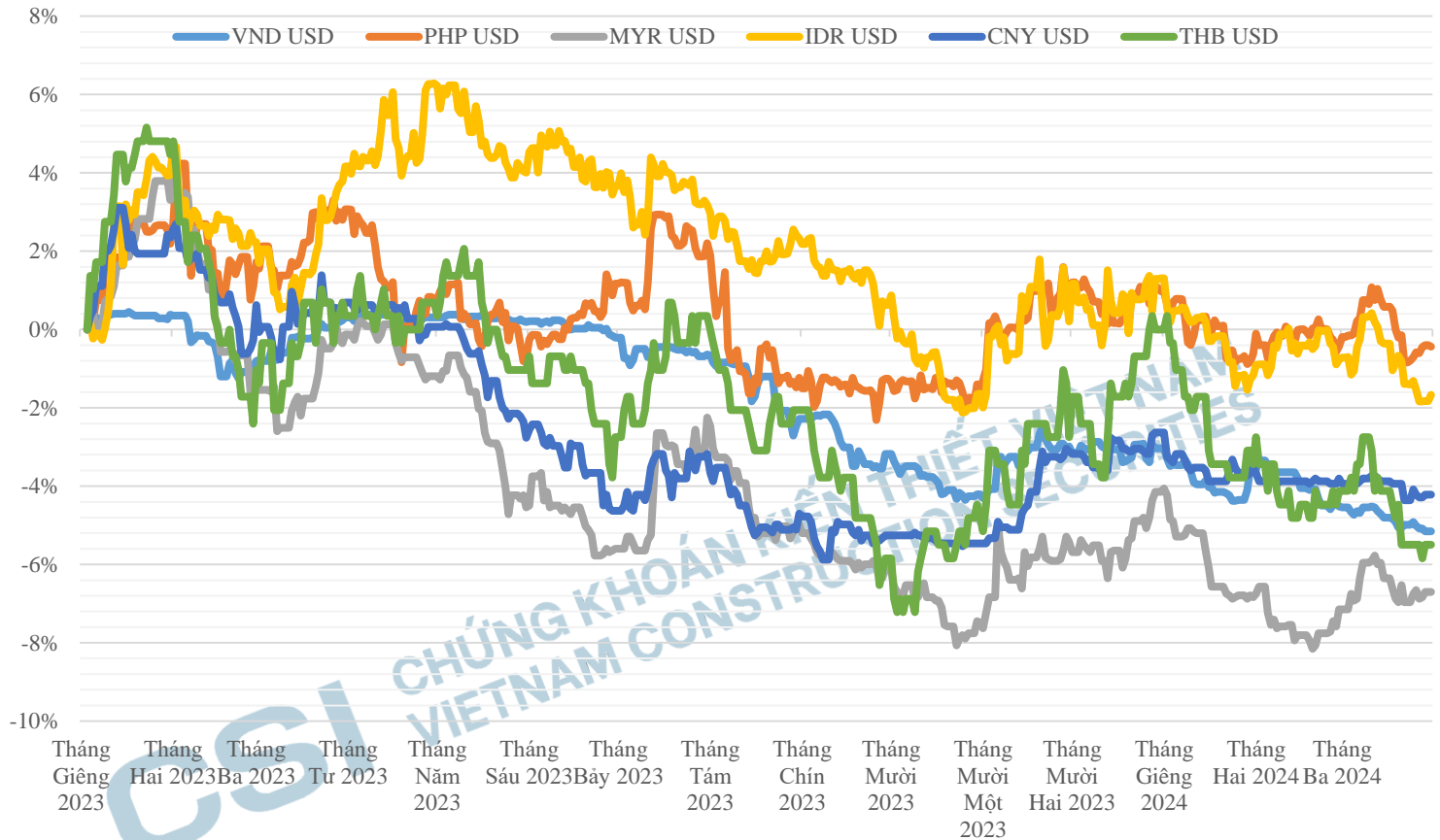
Năm 2024, nhiều tổ chức dự báo Fed sẽ tiến hành cắt giảm lãi suất, bắt đầu từ quý II/2024. Vì vậy nếu FED thực hiện cắt giảm lãi suất thì có sự tương đồng chính sách giữa FED và SBV, khi đó áp lực tỷ giá sẽ không còn quá lớn. Tuy nhiên, cho đến lúc có sự tương đồng thì tỷ giá sẽ có những giao động khá mạnh. Từ đầu năm 2024 đến hết quý I/2024, khi thanh khoản VND liên ngân hàng dồi dào đẩy lãi suất liên ngân hàng của VND ở mức thấp, khiến chênh lệch lãi suất giữ VND và USD neo cao, ảnh hưởng tới tỷ giá. Cao điểm VND mất giá tới 2.6% so với USD. Chúng tôi kỳ vọng SBV sẽ có nhiều biện pháp can thiệp để giữ mức ổn định của tỷ giá nên mức độ biến động cũng không quá mạnh. Chúng tôi kỳ vọng VND mất giá giao động trong khoảng 2.5% - 3.5% so với USD trong năm 2024.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.2 Chính sách tiền tệ - Duy trì nới lỏng trong năm 2024

Phạm trăm biến động giá của các đồng tiền trong khu vực so với đồng USD



Nguồn: Investing - CSI tổng hợp

b. Lãi suất điều hành được dự báo sẽ giữ nguyên hết năm 2024

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP 2024 trong khoảng (6.0% - 6.5%) với tăng trưởng CPI bình quân dưới 4.5% cũng là một thách thức không nhỏ. Mục tiêu tăng trưởng GDP được ưu tiên lên hàng đầu, trong khi khá nhiều dự báo cho rằng lạm phát năm 2024 hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát. Vì vậy chính sách tiền tệ nới lỏng vẫn phải được duy trì và kỳ vọng sẽ đồng pha với các NHTW trên thế giới khi nhiều ngân hàng trung ương như FED, ECB, BOE... sẽ đồng loạt cắt giảm mạnh lãi suất trong quý II/2024.

CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

3.2 Chính sách tiền tệ - Duy trì nới lỏng trong năm 2024

c. Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu 15% trong năm 2024

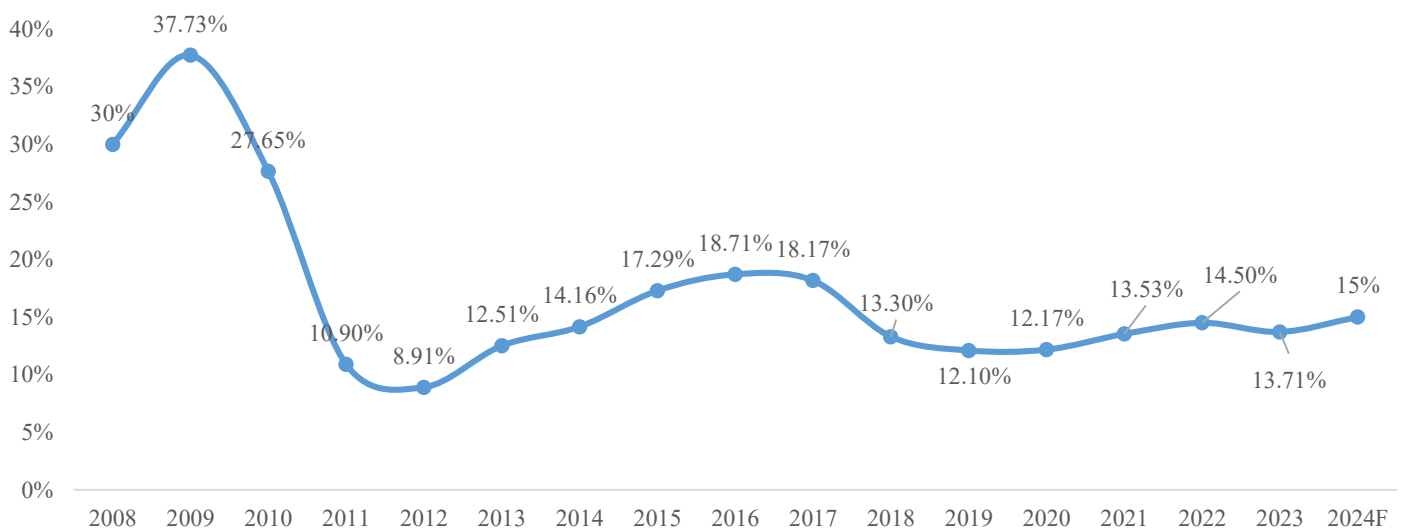
Chỉ trong tháng cuối năm 2023, tín dụng đã tăng thêm 4.56%, khi nhảy vọt từ mức 9.15% vào cuối tháng 11/2023 lên 13.71%, theo số liệu công bố mới nhất của NHNN. Sau kết quả tích cực của tăng trưởng tín dụng trong tháng cuối năm 2023, NHNN đã nhanh chóng giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho các TCTD, qua Văn bản 10167/NHNN-CSTT ban hành ngày 31/12/2023 gửi các TCTD, với định hướng kế hoạch tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế năm 2024 là 15%.

Bước sang năm 2024, khi lãi suất huy động ở mức thấp, trong khi lãi suất cho vay có điều chỉnh, song mức điều chỉnh chưa đồng điệu với lãi suất huy động. Sẽ có độ trễ về thời gian trong 2024 và kỳ vọng lãi suất cho vay giảm từ 1.5% -2.0%, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận với nguồn tín dụng.

Theo số liệu tính tới tháng 3.2024, mức tăng trưởng tín dụng khá thấp chỉ đạt 0.98%, rất thấp với mục tiêu là tăng trưởng 15%. Nhưng chúng tôi vẫn kỳ vọng vào tăng trưởng tín dụng sẽ được thúc đẩy mạnh từ Q2.2024 để tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng GDP đạt mục tiêu đề ra.

Vì vậy chúng tôi kỳ vọng rằng khi lãi suất cho vay giảm, cộng với sự hỗ trợ nhiều mặt của Chính phủ để tập trung tăng trưởng kinh tế thì mức tăng trưởng tín dụng 15% trong 2024 hoàn toàn có khả năng đạt được.

Hình. Tăng trưởng tín dụng (%)



Nguồn: CSI tổng hợp & Dự báo



CẬP NHẬT VÀ DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

3. DỰ BÁO KTVM VIỆT NAM 2024

Từ số liệu kinh tế vĩ mô năm 2023 cộng với những phân tích và nhận định ở trên, chúng tôi tổng hợp các dự đoán một số chỉ tiêu quan trọng năm 2024:

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Tăng trưởng GDP (%)	6.81%	7.08%	7.02%	2.91%	2.58%	8.02	5.05%	6.0%
Tăng trưởng CPI (%)	3.53%	3.54%	2.80%	3.53%	3.54%	3.15%	3.25%	3.75%
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.11	6.83	10.87	19.62	4.97	11.2	28.0	15.0
Tỷ giá trung tâm NN (VND/USD)	22,425	22,825	23,155	23,131	23,145	23,612	24,385	24,700
Tăng trưởng tín dụng (%/12T)	18.28%	13.89%	13.65%	12.17%	13.61%	14.5%	13.71%	15%
Lãi suất điều hành NHNN (%)	6.25%	6.25%	6.00%	4.00%	4.00%	6.00%	4.00%	4.00%
Dự trữ ngoại hối (Triệu USD)	51,500	63,500	80,000	100,000	110,000	89,000	100,000	110,000

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Lưu Chí Kháng
Trưởng phòng Phân tích
Email: khanglc@vnsci.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lương Văn Sơn
Chuyên viên Phân tích
Email: sonlv@vnsci.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Lê Anh Tùng
Chuyên viên Phân tích
Email: tungla@vnsci.com.vn



Tuyên bố miễn trách nhiệm:

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Các nhận định trong bản báo cáo này dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo, các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. CSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ thông tin hoặc ý kiến của báo cáo này. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

Hệ Thống Khuyến Nghị:

Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.



TRỤ SỞ CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM CSI

Tầng 11, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Website: www.vnsci.com.vn